TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2024/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 7 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Mương Đ, xã Tạ An Kh, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đặng Chí Th, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp Mương Đ, xã Tạ An Kh, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị N trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện:*

Chị N và anh Th chung sống năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tạ An Kh Đông. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do thường xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm. Gia đình có hoà giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Quá trình chung sống chị N và anh Th có 03 con chung. Khi ly hôn chị N

yêu cầu nuôi Đặng Thúy K, sinh năm 2006 và Đặng Ngọc M, sinh năm 2011 giao Đặng Chí Th, sinh năm 2018 cho anh Th nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung và nợ: Chị N xác định chị và anh Th không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Th trình bày:* Anh đồng ý ly hôn với chị N, về con chung anh thống nhất giao Thuý K và Ngọc Mai cho chị N nuôi dưỡng, anh nuôi Chí Th, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và nợ anh xác định không có. Anh không muốn tham gia phiên toà, yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị N và anh Đặng Chí Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Chị N và anh Th chung sống có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị N xác định tình trạng hôn nhân của anh, chị đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th cũng đồng ý ly hôn với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị N ly hôn với anh Th là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu về con chung của chị N và ý kiến của anh Th thấy rằng: Theo đơn trình bày nguyện vọng của Thuý K và biên bản ghi nguyện vọng của Ngọc Mai thì Thuý K và Ngọc M đều có nguyện vọng sống cùng chị N; đối với Chí Th chị N và anh Th thoả thuận giao cho anh Th nuôi dưỡng. Xét thoả thuận của chị N và anh Th phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật nên được nghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và về nợ: Chị N và anh Th xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều

82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Đặng Chí Th.

- Về con chung: Giao Đặng Thuý K, sinh ngày 21/7/2006 và Đặng Ngọc M, sinh ngày 15/10/201 cho chị Phạm Thị N; giao Đặng Chí Th, sinh ngày 22/6/2018 cho anh Đặng Chí Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi Thuý K, Ngọc Mai và Chí Th tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Phạm Thị N và anh Đặng Chí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001381 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D (chị N đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Ủy ban nhân dân xã Tắc Vân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai